

Số: 174/TTr-UBND

Cà Mau, ngày 20 tháng 11 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ  
05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ Quy định về Khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo quy định tại Điều 114 Luật đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung và công bố giá các loại đất trên địa bàn tỉnh. Bảng giá đất được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ.

Trên tinh thần đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Dự án xây dựng Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Ban Chỉ đạo đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-BCĐ ngày 11/6/2019 về triển khai thực hiện Dự án xây dựng Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau và triển khai kế hoạch của Ban Chỉ đạo cho 09/09 huyện, thành phố Cà Mau và 101/101 xã, phường, thị trấn. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu thầu chọn đơn vị tư vấn có chức năng xây dựng giá đất để thực hiện công tác điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo dự án được duyệt. Đến nay, đã hoàn thành việc xây dựng dự thảo Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau với những nội dung như sau:

### 3.1. Về khung giá các loại đất:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Loại đất	Khung giá đất theo Nghị định 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ		Giá đất 05 năm (2020 - 2024)	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
01	Đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm còn lại)	15	212	30	100
02	Đất nuôi trồng thủy sản (gồm: đất chuyên tôm, đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	12	250	30	100
03	Đất trồng cây lâu năm	15	250	40	170
04	Đất rừng sản xuất	10	142	30	
05	Đất rừng phòng hộ				
06	Đất rừng đặc dụng			20	
07	Đất làm muối	12	142	30	
08	Đất ở tại đô thị				
	- Đô thị loại II	300	45.000	460	45.000
	- Đô thị loại IV	100	25.000	100	25.000
	- Đô thị loại V	50	15.000	70	10.000
09	Đất ở tại nông thôn	40	15.000	70	2.500
	Riêng xã Tắc Vân và xã Lý Văn Lâm của thành phố Cà Mau			200	15.000
10	Đất thương mại dịch vụ				
	- Tại đô thị:				
	+ Đô thị loại II	240	36.000	368	36.000
	+ Đô thị loại IV	80	20.000	80	20.000
	+ Đô thị loại V	40	12.000	56	80

STT	Loại đất	Khung giá đất theo Nghị định 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ		Giá đất 05 năm (2020 - 2024)	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
	- Tại nông thôn	32	12.000	56	2.000
11	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ				
	- Tại đô thị:				
	+ Đô thị loại II	180	27.000	276	27.000
	+ Đô thị loại IV	60	15.000	60	15.000
	+ Đô thị loại V	30	9.000	42	60
	- Tại nông thôn	24	9.000	42	9.000

### 3.2. Về Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024):

Ban hành mức giá cho 2.674 đoạn đường trên địa bàn tỉnh, tăng 183 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 370 đoạn đường, bỏ 92 đoạn đường, tách 55 đoạn đường, gộp 150 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 986 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 1.498 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 09 đoạn đường, cụ thể như sau:

- Thành phố Cà Mau có 431 đoạn đường, tăng 114 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 107 đoạn đường, bỏ 4 đoạn đường, tách 16 đoạn đường, gộp 5 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 160 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 157 đoạn đường.

- Huyện Thới Bình có 211 đoạn đường, tăng 22 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 20 đoạn đường, bỏ 2 đoạn đường, tách 5 đoạn đường, gộp 1 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 106 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 82 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 01 đoạn đường.

- Huyện U Minh có 310 đoạn đường, tăng 35 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 34 đoạn đường, tách 3 đoạn đường, gộp 2 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 60 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 214 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 01 đoạn đường.

- Huyện Trần Văn Thời có 629 đoạn đường, giảm 98 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 58 đoạn đường, bỏ 67 đoạn đường, tách 5 đoạn đường, gộp 95 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là

351 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 371 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 05 đoạn đường.

- Huyện Cái Nước có 192 đoạn đường, tăng 27 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 27 đoạn đường, bỏ 5 đoạn đường, tách 10 đoạn đường, gộp 5 đoạn đường so với năm 2015; Giữ nguyên giá năm 2015 là 49 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 114 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 02 đoạn đường.

- Huyện Phú Tân có 218 đoạn đường, tăng 5 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 21 đoạn đường, bỏ 3 đoạn đường, gộp 13 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 56 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 157 đoạn đường.

- Huyện Đầm Dơi có 300 đoạn đường, tăng 32 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 35 đoạn đường, bỏ 3 đoạn đường, tách 4 đoạn đường, gộp 4 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 102 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 166 đoạn đường.

- Huyện Năm Căn có 261 đoạn đường, tăng 13 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 22 đoạn đường, bỏ 5 đoạn đường, tách 5 đoạn đường, gộp 9 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 99 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 149 đoạn đường.

- Huyện Ngọc Hiển có 122 đoạn đường, tăng 33 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 46 đoạn đường, bỏ 3 đoạn đường, tách 7 đoạn đường, gộp 17 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 3 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 86 đoạn đường.

**b) Về đất nông nghiệp:**

Giá các loại đất nông nghiệp tăng so với Bảng giá các loại đất năm 2015, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Loại đất	Giá đất 05 năm (2020 - 2024)			
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
01	Đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm còn lại)	100	60	45	30
02	Đất nuôi trồng thủy sản (gồm: đất chuyên tôm, đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	100	60	45	30

STT	Loại đất	Giá đất 05 năm (2020 - 2024)			
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
03	Đất trồng cây lâu năm	170	120	60	40
04	Đất rừng sản xuất			30	
05	Đất rừng phòng hộ			30	
06	Đất rừng đặc dụng			20	
07	Đất làm muối			30	

c) Đất thương mại dịch vụ: Tính bằng 80% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

d) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: Tính bằng 60% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất đối với tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

đ) Các loại đất phi nông nghiệp còn lại khác:

Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng các công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng; đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nghĩa trang, nghĩa địa và đất phi nông nghiệp còn lại khác được tính bằng giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

- Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh được tính bằng 60% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất đối với tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

e) Đất chưa sử dụng: Giá đất của loại đất chưa sử dụng được tính bằng giá đất của loại đất cùng mục đích sử dụng tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

### **3. Về quy định áp dụng Bảng giá các loại đất:**

Quy định Bảng giá các loại đất Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành kèm theo Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

*(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau; dự thảo Nghị quyết, dự thảo Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau)*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra và quyết nghị theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NNTN (Nguyên, 02/11);
- Phòng Tổng hợp (Châu);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Sử**

Số: /2019/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ  
05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau với các nội dung như sau:

## 1. Về khung giá các loại đất:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Loại đất	Khung giá đất theo Nghị định 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ		Giá đất 05 năm (2020 - 2024)	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
01	Đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm còn lại)	15	212	30	100
02	Đất nuôi trồng thủy sản (gồm: đất chuyên tôm, đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	12	250	30	100
03	Đất trồng cây lâu năm	15	250	40	170
04	Đất rừng sản xuất	10	142	30	
05	Đất rừng phòng hộ				
06	Đất rừng đặc dụng			20	
07	Đất làm muối	12	142	30	
08	Đất ở tại đô thị				
	- Đô thị loại II	300	45.000	460	45.000
	- Đô thị loại IV	100	25.000	100	25.000
	- Đô thị loại V	50	15.000	70	10.000
09	Đất ở tại nông thôn	40	15.000	70	2.500
	Riêng xã Tắc Vân và xã Lý Văn Lâm của thành phố Cà Mau			200	15.000
10	Đất thương mại dịch vụ				
	- Tại đô thị:				
	+ Đô thị loại II	240	36.000	368	36.000
	+ Đô thị loại IV	80	20.000	80	20.000
	+ Đô thị loại V	40	12.000	56	80
	- Tại nông thôn	32	12.000	56	2.000
11	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ				



STT	Loại đất	Khung giá đất theo Nghị định 104/2014/NĐ-CP của Chính phủ		Giá đất 05 năm (2020 - 2024)	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
	- Tại đô thị:				
	+ Đô thị loại II	180	27.000	276	27.000
	+ Đô thị loại IV	60	15.000	60	15.000
	+ Đô thị loại V	30	9.000	42	60
	- Tại nông thôn	24	9.000	42	9.000

## 2. Về bảng giá các loại đất:

a) Về đất ở: Ban hành mức giá cho 2.674 đoạn đường trên địa bàn tỉnh, tăng 183 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 370 đoạn đường, bỏ 92 đoạn đường, tách 55 đoạn đường, gộp 150 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 986 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 1.498 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 09 đoạn đường, cụ thể như sau:

- Thành phố Cà Mau có 431 đoạn đường, tăng 114 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 107 đoạn đường, bỏ 4 đoạn đường, tách 16 đoạn đường, gộp 5 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 160 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 157 đoạn đường.

- Huyện Thới Bình có 211 đoạn đường, tăng 22 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 20 đoạn đường, bỏ 2 đoạn đường, tách 5 đoạn đường, gộp 1 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 106 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 82 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 01 đoạn đường.

- Huyện U Minh có 310 đoạn đường, tăng 35 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 34 đoạn đường, tách 3 đoạn đường, gộp 2 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 60 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 214 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 01 đoạn đường.

- Huyện Trần Văn Thời có 629 đoạn đường, giảm 98 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 58 đoạn đường, bỏ 67 đoạn đường, tách 5 đoạn đường, gộp 95 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 351 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 371 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 05 đoạn đường.

- Huyện Cái Nước có 192 đoạn đường, tăng 27 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 27 đoạn đường, bỏ 5 đoạn đường, tách 10 đoạn đường, gộp 5 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 49 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 114 đoạn đường, điều chỉnh giảm giá 02 đoạn đường.

- Huyện Phú Tân có 218 đoạn đường, tăng 5 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 21 đoạn đường, bỏ 3 đoạn đường, gộp 13 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 56 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 157 đoạn đường.

- Huyện Đầm Dơi có 300 đoạn đường, tăng 32 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 35 đoạn đường, bỏ 3 đoạn đường, tách 4 đoạn đường, gộp 4 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 102 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 166 đoạn đường.

- Huyện Năm Căn có 261 đoạn đường, tăng 13 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 22 đoạn đường, bỏ 5 đoạn đường, tách 5 đoạn đường, gộp 9 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 99 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 149 đoạn đường.

- Huyện Ngọc Hiển có 122 đoạn đường, tăng 33 đoạn đường so với năm 2015, trong đó: Bổ sung mới 46 đoạn đường, bỏ 3 đoạn đường, tách 7 đoạn đường, gộp 17 đoạn đường so với năm 2015; giữ nguyên giá năm 2015 là 3 đoạn đường, điều chỉnh tăng giá 86 đoạn đường.

b) Về đất nông nghiệp:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Loại đất	Giá đất 05 năm (2020 - 2024)			
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
01	Đất trồng cây hàng năm (gồm: đất trồng lúa, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm còn lại)	100	60	45	30
02	Đất nuôi trồng thủy sản (gồm: đất chuyên tôm, đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	100	60	45	30
03	Đất trồng cây lâu năm	170	120	60	40
04	Đất rừng sản xuất			30	

STT	Loại đất	Giá đất 05 năm (2020 - 2024)			
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
05	Đất rừng phòng hộ			30	
06	Đất rừng đặc dụng			20	
07	Đất làm muối			30	

c) Đất thương mại dịch vụ: Tính bằng 80% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

d) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: Tính bằng 60% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất đối với tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

đ) Các loại đất phi nông nghiệp còn lại khác:

- Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng các công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng; đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nghĩa trang, nghĩa địa và đất phi nông nghiệp còn lại khác được tính bằng giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

- Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh được tính bằng 60% mức giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất đối với tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

e) Đất chưa sử dụng: Giá đất của loại đất chưa sử dụng được tính bằng giá đất của loại đất cùng mục đích sử dụng tại khu vực lân cận gần nhất có mức giá cao nhất.

### 3. Về quy định áp dụng Bảng giá các loại đất:

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể quy định áp dụng Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này Quyết định công bố Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau đúng thời gian theo luật định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khoá IX, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (BTP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND;
- TT. HĐND và UBND huyện, TP Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm công báo tin học tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Hiện**